

## DI DÂN NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ VẤN ĐỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI BÌNH DƯƠNG NGÀY NAY

**Trần Hạnh Minh Phương<sup>(1)</sup>**

<sup>(1)</sup>Trường Đại học Thủ Dầu Một

Ngày nhận 28/12/2016; Chấp nhận đăng 29/01/2017; Email: thmpuongkhxh@gmail.com

### **Tóm tắt**

Trong 19 tộc người thiểu số di dân đến Bình Dương có bảy tộc người chiếm số lượng cao là người Khmer và người Chăm (đến từ các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long), người Nùng, người Tây, người Mường, người Thái và người Sán Chỉ (đến từ các tỉnh phía Bắc). Các tộc người này chủ yếu sống bằng nghề nông. Quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa làm nhiều yếu tố văn hóa truyền thống bị mai một nhưng trong chừng mực nào đó, vẫn bảo lưu được những món ăn, tín ngưỡng, lễ hội, sinh hoạt văn nghệ truyền thống. Ba mối quan hệ dòng họ, láng giềng và đồng tộc người thể hiện rõ qua các nhóm di dân cùng một tộc người có cùng thời gian di cư, địa điểm định cư đầu tiên, và đôi khi có cùng sinh kế. Ba mối quan hệ này là định chế phi chính thức quy định và điều chỉnh các hành vi ứng xử trong cộng đồng. Mỗi nhóm sẽ có những chuẩn tắc để quản trị đời sống xã hội của cộng đồng, góp phần tạo khối đoàn kết cộng đồng để hướng tới cuộc sống phồn vinh hơn.

**Từ khóa:** di dân, tộc người, thiểu số, văn hóa, xã hội, Bình Dương

### **Abstract**

#### **ETHNIC MINORITIES' MIGRATION and BINH DUONG PROVINCE'S CULTURAL AND SOCIAL ISSUES TODAY**

Among 19 minority ethnic groups leaving their homeland for Binh Duong, seven of that taking up large quantities were of Khmer and Cham peoples (from the Mekong Delta provinces), Nung, Tay, Muong, Thai and San Chi peoples (from northern provinces). They lived mainly on farming. The process of cultural exchanges has made many elements of traditional culture fall into oblivion but, to some extent, their dishes, beliefs, festivals and traditional cultural activities were still well-reserved. Three relationships of parentage, neighbour and the same clan may be clearly seen in every group of migrations: those of the same clan would share the same time of migration, the same place of first settlement, and sometimes have the same livelihood. These three relationships were of none government-institutions that defined and adjusted behaviours of all kinds in the community. Each group would have its own standard rules (or regulations) to govern its community, helping out with strengthening community's solidarity to head for more prosperous life.

### **1. Giới thiệu**

Đầu thế kỷ XX, theo ghi nhận của tác giả công trình *Monographie de Thudaumot* (1910), Bình Dương là “tỉnh miệt vườn” thuần nông, chỉ có hai trục giao thông chính là sông Sài Gòn và Quốc lộ 13, dân số chỉ vài vạn người, chủ yếu là nông dân. Từ sau tái lập tỉnh (01/1/1997),

Bình Dương đã thu hút nhiều dự án đầu tư sản xuất, thị trường lao động rộng mở, nên trở thành một trong những đô thị có lực hút dân di cư mạnh nhất. Trong vòng 11 năm qua (1999 -2010) dân số tỉnh Bình Dương đã tăng gấp đôi (theo kết quả điều tra dân số năm 2010: 2.185.655 người với mật độ 675 người/km<sup>2</sup>) là tỉnh có tốc độ tăng dân số cao nhất cả nước với tỷ lệ tăng trung bình 7,3%/năm[1]. Hiện nay, tại Bình Dương đã có 19 tộc người di cư từ nơi khác đến. Đó là những tộc người nào, có đời sống văn hóa – xã hội ra sao và có ảnh hưởng đến văn hóa – xã hội Bình Dương như thế nào? là mục tiêu của bài nghiên cứu này. Sử dụng kết quả điều tra cơ bản về thành phần các tộc người thiểu số của bảo tàng Bình Dương năm 2012, và nguồn tư liệu điền dã bài viết đề cập đến hai vấn đề: (1) đặc điểm của di dân người dân tộc thiểu số gồm thành phần tộc người, quê quán, năm định cư, địa bàn cư trú, nghề nghiệp, đời sống văn hóa vật chất, tinh thần; (2) ảnh hưởng của những cộng đồng di cư này đối với vấn đề văn hóa, xã hội của tỉnh Bình Dương hiện nay.

## 2. Đặc điểm di dân người dân tộc thiểu số ở Bình Dương ngày nay

Kết quả điều tra cơ bản của Bảo tàng Bình Dương năm 2012 (trừ người Hoa) có 1863 hộ (7684 nhân khẩu)[2] gồm 19 tộc người thiểu số di dân từ nơi khác đến, bao gồm: (1) Người **Cao Lan** (4 hộ, 16 nhân khẩu) đến từ Phú Thọ, Thái Nguyên, Cao Bằng, sống rải rác tại xã Đông Hòa (Dĩ An), Tân Lập (Phú Giáo), Bình Chuẩn (Thuận An), Minh Tân (Dầu Tiếng). (2) Người **Chăm** (138 hộ, 609 nhân khẩu) phần lớn đến từ Châu Đốc (An Giang), một số từ Ninh Thuận và thành phố Hồ Chí Minh sống tập trung tại xã Tân Long (Phú Giáo), Tân Hưng (Bàu Bàng), Bình An (Dĩ An), Minh Hòa (Dầu Tiếng). (3) Người **Châu Ro** (13 hộ, 55 nhân khẩu) đến từ Đồng Nai, Lâm Đồng, Bình Phước hiện sống rải rác tại Phước Vĩnh, Phước Sang, Phước Hòa (Phú Giáo), Tân Định (Bắc Tân Uyên). (4) Người **Dao** (3 hộ, 8 nhân khẩu) đến từ Tuyên Quang, Cao Bằng, Thanh Hóa sống ở ba nơi: Phước Sang (Phú Giáo), Bình Hòa (Thuận An) và Minh Tân (Dầu Tiếng). (5) Người **Ê Đê** (8 hộ, 35 nhân khẩu) di cư từ Cao Bằng, Lâm Đồng hiện đang cư ngụ rải rác tại Thanh An (Dầu Tiếng), Tân Đông Hiệp (Dĩ An), Thường Tân, Tân Định và Tân Thành (Bắc Tân Uyên). (6) Người **Khmer** là tộc người thiểu số di cư đến Bình Dương đông nhất (884 hộ, 3696 nhân khẩu – tăng gấp ba lần so với thống kê của Ủy ban Dân tộc năm 1999). Họ đến từ An Giang, Bạc Liêu, Cần Thơ, Cà Mau, Kiên Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long hiện sống tập trung thành cộng đồng ở An Bình, An Thạnh, An Linh và An Long (Phú Giáo), An Tây, Chánh Phú Hòa (Bến Cát), Bình An (Dĩ An), Bình Hòa, Bình Nhâm (Thuận An). (7) Người **Lào** (1 hộ, 4 nhân khẩu) từ Lào sang hiện cư ngụ tại Hiệp An (Thủ Dầu Một). (8) Người **Mán** (1 hộ, 5 nhân khẩu) từ Quảng Ninh đến định cư tại An Điền (Bến Cát). (9) Người **Paco** (1 hộ, 4 nhân khẩu) từ Bình Trị Thiên đến định cư tại Phú Hòa (Thủ Dầu Một). (10) Người **Raglai** (5 hộ, không rõ quê quán) hiện cư trú tại Mỹ Phước (Bến Cát). (11) Người **Sán Chay** (2 hộ, 8 nhân khẩu) từ Lạng Sơn và Bắc Ninh đến định cư ở Long Hòa (Dầu Tiếng). (12) Người **Tà mun** (6 hộ, 20 người) đến từ Đồng Nai, Bình Phước, hiện ở Minh Hòa (Dầu Tiếng). (13) Người **Mường** (158 hộ, 643 nhân khẩu), phần lớn xuất cư từ Thanh Hóa và Hòa Bình, số ít từ Hà Tây, Ninh Bình, Lạng Sơn. Hiện sống tương đối tập trung thành cộng đồng ở Cây Trường, Hưng Hòa, Long Nguyên, Trừ Văn Thố (Bàu Bàng), Định An, Long Tân, Minh Hòa, Minh Thạnh, Minh Tân (Dầu Tiếng), An Linh, An Thái, Phước Sang, Phước Vĩnh, Tân Hiệp (Phú Giáo). (14) Người **Nùng** (239 hộ, 978 nhân khẩu) phần lớn đến từ Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Hải Phòng, hiện sống tập trung tại Hưng Hòa, Phước Vĩnh (Bến Cát), An Lập, Long Hòa (Dầu Tiếng), Tân Long, Tân Hiệp, An Linh (Phú Giáo).

(15) Người **Sán Chỉ** (31 hộ, 110 nhân khẩu) gần như toàn bộ đến từ Thái Nguyên chỉ có 1 hộ từ Lạng Sơn và họ cũng sống tập trung tại Tam Lập (Phú Giáo). (16) Người **Sán Diu** (20 hộ, 77 nhân khẩu) phần lớn di cư từ Thái Nguyên, rải rác ở Thanh Hóa, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc sống khá tập trung ở An Bình, Phước Sang, Tân Uyên (Phú Giáo), một số ở Mỹ Phước (Bến Cát), Long Nguyên (Bàu Bàng). (17) Người **Tày** (225 hộ, 919 nhân khẩu) phần lớn di cư từ Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang, số ít từ Bắc Cạn, Thái Bình, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Yên Bái sống tập trung tại Phú Hòa, Phú Lợi (Thủ Dầu Một) và Bình Chuẩn (Thuận An). (18) Người **Thái** (55 hộ, 211 nhân khẩu), di cư từ nhiều nơi Cao Bằng, Lai Châu, Nghệ An, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc sống nhiều nơi như Tân Hưng (Bàu Bàng), Thới Hòa (Bến Cát), Thanh An (Dầu Tiếng), An Linh, Tân Long (Phú Giáo), Tân Vĩnh (Tân Uyên), Phú Lợi (Thủ Dầu Một). (19) Người **Thổ** (14 hộ, 55 nhân khẩu) đến từ Vĩnh Phúc hiện định cư tại Tân Long (Phú Giáo).

Theo Cục thống kê tỉnh Bình Dương năm 2014, Bình Dương có 20 dân tộc thiểu số, với 4.499 hộ, 17.133 người sinh sống. Trong đó, nhiều nhất là người Hoa 11.160 người, người Khmer 2.885 người, ít nhất người Mạ 1 người[3]. Bảy tộc người chiếm số lượng cao gồm: hai tộc người đến từ các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (người Khmer 884 hộ, 3696 nhân khẩu, người Chăm 183 hộ, 609 nhân khẩu) và năm tộc người đến từ các tỉnh phía Bắc (người Nùng 239 hộ, 978 nhân khẩu, người Tày 225 hộ, 919 nhân khẩu, người Mường 158 hộ, 643 nhân khẩu, người Thái 55 hộ, 211 nhân khẩu và người Sán Chỉ 31 hộ, 110 nhân khẩu). Có những tộc người chỉ có từ 1 đến 4 hộ (như người Paco, Sán Chay, Raglai).

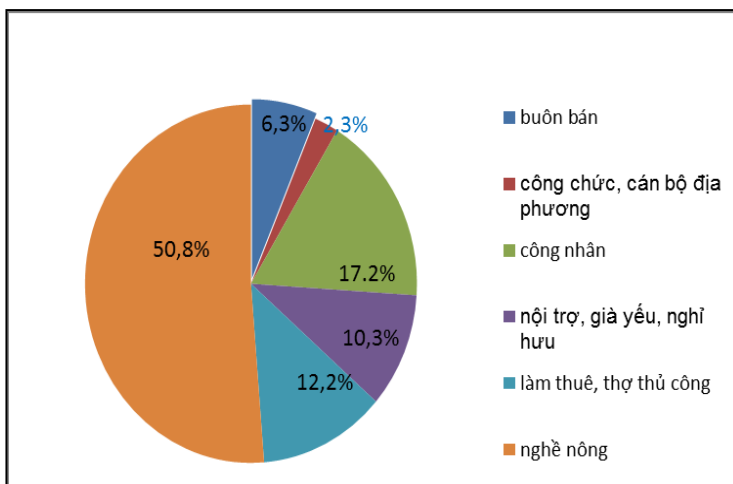
Thời gian di dân tộc người thiểu số đến Bình Dương sớm nhất là năm 1924, trường hợp gia đình người Nùng đến từ Lạng Sơn, chủ hộ là Âu Thị D, sinh năm 1924 hiện cư ngụ tại ấp 6, xã Vĩnh Tân, huyện Tân Uyên. Gia đình di cư đến Bình Dương gần đây nhất là 2012, người Khmer từ Sóc Trăng, chủ hộ là Tăng Thị Bích H, cư ngụ tại xã Tân Lập, huyện Tân Uyên. Chúng tôi chia thời gian các hộ người dân tộc thiểu số đến định cư ở Bình Dương theo bốn mốc thời gian: Từ năm 1924 – 1954: có 36 hộ (2,9%); 1955 – 1975: 430 hộ (22,7%); 1976 -1996: 791 hộ (49,4%); 1997 – 2012: 439 hộ (23%) và 39 trường hợp (2%) trả lời không nhớ năm đến định cư ở Bình Dương.

Lý do các tộc người từ các tỉnh phía Bắc chọn Bình Dương là nơi đến, như lời ông Lý Viết Th (xã An Linh, huyện Phú Giáo), người Nùng Cao Bằng đầu tiên đặt chân đến Bình Dương: “Ở Cao Bằng lúc đó còn khó khăn lắm, năm 1989, tôi tìm đến Sài Gòn kiếm sống. Sau nhiều năm làm đủ nghề nhưng không thoát khỏi cảnh nghèo, do ở đó đất chật mà người thì rất đông. Được mọi người chỉ dẫn, tôi quyết định đến vùng đất chưa ai đến để làm lại từ đầu. Mường tượng mảnh đất Bình Dương mầu mỡ nhưng còn hoang sơ, tôi bắt xe khách xuống Phú Giáo, đi bộ vào tận khu An Linh, nơi còn nhiều đất để “cắm dùi” lập nghiệp”[4]. Theo ông Kho S, Phó Giáo cả, Ban Quản trị Thánh đường Hội giáo Minh Hòa “do cuộc sống tại quê nhà An Giang khó khăn, một số người Chăm đã đến Bình Dương lập nghiệp. Cứ như vậy, số hộ người Chăm tăng lên hàng năm. Đến nay, riêng ấp Hòa Lộc có khoảng 80 hộ người Chăm”[5]. Theo nghiên cứu của Lê Anh Vũ về nguyên nhân những gia đình người Khmer từ Trà Vinh di cư đến Bình Dương trong giai đoạn này cũng tương tự như trước: tại quê nhà họ thiếu đất canh tác, cuộc sống kinh tế khó khăn, đến Bình Dương vào làm công nhân trong các khu công nghiệp, cuộc sống ổn định hơn. Điều này trùng khớp với kết quả điều tra (năm 2004) của Tổng cục thống kê nguyên nhân chủ yếu khiến cho người dân di cư Việt Nam di cư lần đầu tiên: “tìm được việc làm ở nơi ở mới 51,1%, cải thiện đời sống 47,6%, gần người thân 20,8%, vì tương lai

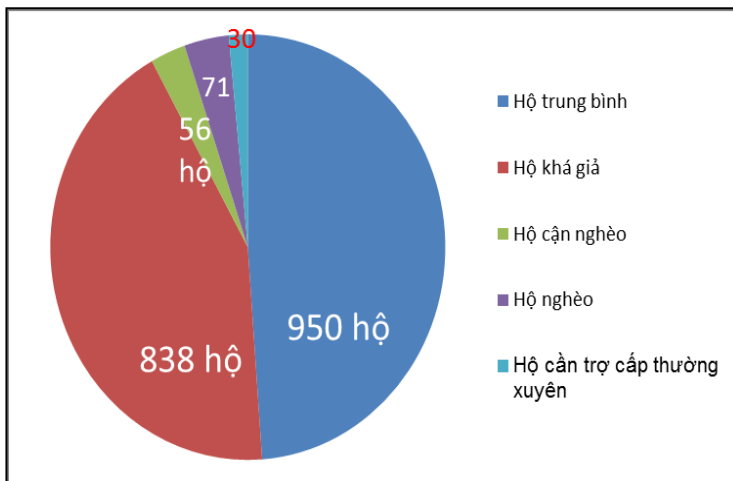
con cái 11,9%, để cải thiện đời sống xã hội và môi trường 11,2%, không có việc làm nơi ở cũ 9,8%. Các nguyên nhân khác như đã học xong, đi học, tái định cư chỉ có dưới 10% người di cư xác nhận là họ di chuyển vì những lý do này bên cạnh những lý do khác”[6].

Theo kết quả khảo sát, phần lớn các hộ gia đình sống trong nhà xây bán kiên cố (nhà cấp 4 – dựa theo chỉ báo của Tổng Cục thống kê): 1645 hộ (87,2%), nhà tạm 61 hộ (3,2%), nhà thuê một trường hợp, một trường hợp nhà biệt thự và ba trường hợp nhà 1 trệt 1 lầu, số còn lại không có thông tin. Về phương tiện đi lại: 1859 hộ (98%) đã có xe máy, 18 hộ (0,9%) đi bằng xe đạp, 12 trường hợp đi bộ (0,6%) và 4 hộ có xe ô tô (0,5%). Ngày nay, đối với các tộc người thiểu số ở Bình Dương, phương tiện giao thông chủ yếu vẫn giống như người Kinh – xe gắn máy. Cơ cấu nghề nghiệp của người trả lời bảng câu hỏi (rất tiếc bản dữ liệu không thu thập hết nghề nghiệp của các thành viên trong gia đình): trong 1863 người trả lời – đại diện 1863 hộ, có 956 người (50,8%) làm nghề nông (trồng rẫy, làm ruộng, làm vườn, chăn nuôi), kể đến 324 người (17,2%) công nhân (công nhân ở khu công nghiệp và công nhân cạo mủ cao su), những người không tạo ra thu nhập khá cao 227 (12,2%) là những người nội trợ, già yếu, nghỉ hưu, bệnh tật; người làm thuê nông nghiệp, phi nông nghiệp, thợ may, làm bánh mì, thợ hớt tóc, thợ hồ, làm bảo vệ, sửa xe, bán vé số, chạy xe ôm là 194 người (10,3%); buôn bán nhỏ 118 người (6,3%) và chỉ có 44 (2,3%) người là công chức trong đó có một bác sĩ thú y, một cán bộ y tế, một kỹ sư, cán bộ xã, nhân viên văn phòng.

**Biểu đồ 1.** Cơ cấu nghề nghiệp chủ hộ của di dân tộc người thiểu số ở Bình Dương từ kết quả điều tra cơ bản của Bảo tàng Bình Dương 2012.



**Biểu đồ 2.** Tình hình kinh tế của di dân người dân tộc thiểu số từ số liệu Cục thống kê tỉnh Bình Dương, năm 2014



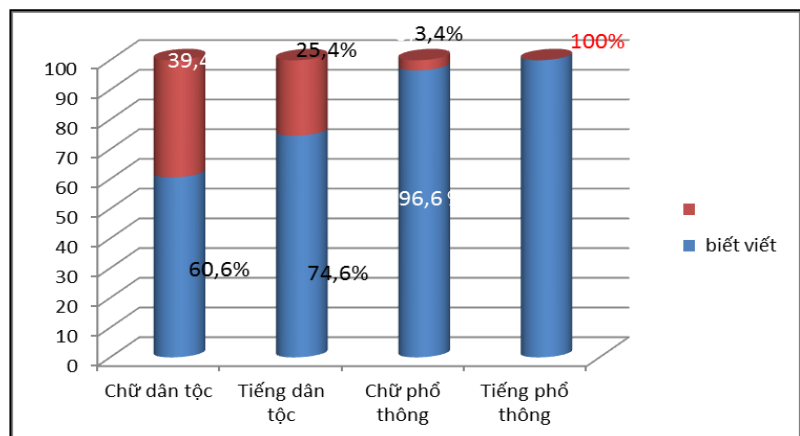
Rời bản quán trong bối cảnh nghèo khó, đến mưu sinh ở vùng đất mới với lòng đầy quyết tâm, hầu hết các gia đình di dân người dân tộc thiểu số đã vươn lên làm giàu. Theo kết quả của Cục thống kê Bình Dương, năm 2014 “838 hộ khá giàu, 950 hộ trung bình, 56 hộ cận nghèo, 71 hộ nghèo và 30 hộ cần trợ cấp thường xuyên. Bình quân mỗi hộ dân tộc thiểu số sử dụng 306,50m<sup>2</sup> đất ở và 2,32 ha đất sản xuất[7].

### 3. Đời sống của các tộc người thiểu số và vấn đề văn hóa, xã hội ở Bình Dương

#### 3.1. Về đời sống văn hóa

Trong đời sống văn hóa, những món ăn truyền thống từ quê nhà đã được những người di dân mang đến quê hương thứ hai – Bình Dương góp phần làm phong phú văn hóa ẩm thực Bình Dương. Người Tày đến từ Cao Bằng có món *xôi ngũ sắc*. Người Chăm Ninh Thuận, Bình Thuận có món *cà púa, mắm cá, bánh xôi chè*, người Chăm An Giang với *cà ri bò, gà, dê, cá, gỏi, đồ chua*. Người Châu ro có các món *canh thực, canh bồi, bánh dày mè đen*. Món ăn truyền thống của người Dao là *thịt muối chua*. Người Ê Đê thích món *thịt nướng*. Người Khmer từ vùng Tri Tôn, An Giang có các loại *mắm, canh bồi, bánh tét, bánh ú* nhưng người Khmer từ Bình Phước đến có món *canh thực, canh bồi, rượu cần* giống người Stiêng. Người Khmer đến từ Cà Mau có món *mắm bohok*. Người Khmer từ Sóc Trăng thích *mắm cá, cốm dẹp, nước thốt nốt*. Người Mường từ Thanh Hóa vẫn thích các món ăn truyền thống từ quê nhà *thịt trâu muối, các món muối chua, xôi nếp, xôi bắp, cơm lam, thịt muối chua, rượu cần*. Người Mường từ Hòa Bình có món *com lam, lam nhỏ* (món thịt nướng, ướp gừng tỏi muối). Người Nùng từ Lạng Sơn thích ăn *cháo lỏng* với *củ cải muối* vào buổi sáng, món *gà hấp gừng*, và luộc lúa mới gặt đem về, rồi mới nấu com để mừng lúa mới, *mắm nêm, cá sống ướp muối*. Người Nùng từ Cao Bằng có món *khâu nhục*. Người Sán Chỉ từ Thái Nguyên có món *bánh chưng, bánh tro, bánh tái, com ba màu*. Người Sán Diu từ Vĩnh Phúc với món *bánh tày nong ép*. Người Sán Diu từ Tuyên Quang có *cháo loãng, thịt kho nhục, cá nấu chua*. Người Tày từ Thanh Hóa có món *thịt bò nấu với lá mắc mật, thịt vịt quay* ăn với *lá mắc mật*. Người Tày từ Cao Bằng có món *xôi ngũ sắc, thịt heo phơi khô, com lam, thịt xá xíu, bánh trứng kiến, bánh chưng, bánh giò*. Người Tày từ Hưng Yên có món *bánh tro, bánh dày, com lam*. Người Thái từ Thanh Hóa có món *rêu đá, com lam, xôi sắn, pa pỉnh tộp*. Người Thổ từ Vĩnh Phúc có món *thịt trâu* (theo kết quả khảo sát của Bảo tàng Bình Dương, 2012).

**Biểu đồ 3.** Tình hình sử dụng ngôn ngữ của di dân (theo kết quả điều tra cơ bản của Bảo tàng Bình Dương 2012)



Vì “ngôn ngữ là dấu hiệu cơ bản để người ta xem xét sự tồn tại của một dân tộc và để phân biệt các tộc người khác nhau”[8] nên dù sống xen cư với người Kinh hay sống thành cộng đồng, những người di dân vẫn có ý thức giữ gìn ngôn ngữ mẹ đẻ, tỷ lệ người trả lời biết chữ

dân tộc khá cao 1143 người (60,6%) và 744 người không nhớ (39,4%), biết tiếng dân tộc 1506 (74,6%) và 481 người không biết (25,4%), tỷ lệ biết chữ phổ thông cao hơn 1822 người (96,6%), 64 người không biết (3,4%) và 100% người trả lời đều nói thông thạo tiếng phổ thông. Đây là một chỉ báo về mức độ hội nhập cao của di dân vào quá trình xã hội tổng thể.

Đời sống tín ngưỡng của di dân các tộc người thiểu số khá phong phú, họ vẫn giữ gìn những tín ngưỡng và một số sinh hoạt văn hóa truyền thống từ quê gốc. Người Chăm vẫn thờ vua Po Klong Garai và Pôrômê. Người Khmer thờ ông bà tổ tiên, nhiên thần, thờ đá, tín ngưỡng Arak. Thần Arak không có hình dáng xác định, có nguồn gốc từ linh hồn người chết nhưng hiển linh được người Khmer tôn làm thần để bảo vệ dòng họ, gia đình, nhà cửa. Người Mường Thanh Hóa không thờ cúng thần, mọi nghi lễ trong gia đình đều do thầy mo chủ trì, số khác thờ ông bà tổ tiên. Người Nùng Hải Phòng thờ ông bà. Người Nùng Cao Bằng thờ Mẹ cửa, thờ Bà mẹ. Người Sán chỉ Thái Nguyên thờ ông bà tổ tiên, thờ bà mẹ và thổ địa. Người Sán Dìu, người Tày, người Thái, người Thổ thờ ông bà tổ tiên. Người Cao Lan từ Thái Nguyên, người Châu Ro từ Đồng Nai, người Ê Đê từ Bình Phước thờ ông bà tổ tiên. Tín ngưỡng thờ ông bà tổ tiên chiếm tỷ lệ cao nhất (630 hộ, 33,5%) trong đời sống tín ngưỡng nơi di dân tộc người thiểu số. Người Sán Chỉ xã Tam Lập lập miếu Thổ địa riêng, vẫn tổ chức lễ hội Cầu Mưa (mùng 6 tháng Giêng âm lịch) cầu mùa màng tốt tươi, cuộc sống bình an. Người Nùng Cao Bằng còn bảo tồn tiếng đàn Tính, điệu hát Then, Sli, tổ chức lễ hội Lùng Tùng (Hội xuống đồng) tháng Giêng hàng năm cầu thần Mưa, thần Gió, thần Sấm ban cho mưa thuận gió hòa, cây cối tốt tươi, mùa màng bội thu, đời sống ấm no và bình yên. Người Mường Thanh Hóa tổ chức lễ cầu mưa vào tháng 4 âm lịch, lễ Rửa lá lúa tháng 8 âm lịch. Người Thái từ Thanh Hóa vẫn nhớ về quê nhà với lễ tri ân thầy mo – lễ *Hết Chá*. Người Khmer ở xã An Bình, huyện Phú Giáo sống theo cộng đồng nên lưu giữ được khá nhiều nét văn hóa truyền thống qua nghi lễ vòng đời: nghi thức cúng mẹ sau ba ngày em bé được sinh ra, duy trì tục cưới xin theo chế độ mẫu hệ, lễ cưới được tổ chức bên nhà gái và nhà gái phải chịu mọi phí tổn cho lễ cưới (nhưng trong lễ dạm ngõ thì nhà trai mang lễ vật sang nhà gái)[9]. Lễ cưới được tổ chức theo nghi thức truyền thống “Đám cưới của người Khmer An Bình có sự tham dự của cả làng. Trước ngày cưới, cha và mẹ cô dâu, chú rể sẽ đi mời mọi người trong làng bằng rượu, ai đã uống rượu mời đều phải đi. Khi tới đám cưới, khách cột một sợi chỉ trắng lên cổ tay cô dâu, chú rể, rắc một ít gạo lên đầu hai người rồi hú lên một tiếng để chúc phúc cho đôi trẻ”[10]. Trong lễ tang, người Khmer ở An Bình còn giữ tục chia của cho người chết – nét văn hóa truyền thống của nhóm cư dân Môn – Khmer ở Tây Nguyên. Tại Bình Dương chưa có chùa hay nơi sinh hoạt dành riêng cho người Khmer nên người Khmer thường quay về bản quán (Bình Phước, Trà Vinh, Sóc Trăng) để tham dự lễ hội Ok Om Bok. Đối với những gia đình Khmer không có điều kiện đi xa, họ sẽ làm mâm cơm nhỏ cúng trăng để gia đình đoàn viên, sum họp, nhớ về cội nguồn. Người Chăm đến từ An Giang cư trú quanh thánh đường Hồi giáo Kazid ở Minh Hòa (Dầu Tiếng) vẫn bảo lưu được những yếu tố văn hóa truyền thống như tổ chức dạy chữ Chăm cho trẻ em, đàn ông và phụ nữ vẫn mặc trang phục truyền thống (phụ nữ: áo dài bít tà, chui đầu - áo *aw loah* và váy, đàn ông: áo dài *aw tah* và váy đen, trắng), lễ cưới hiện nay vẫn được tổ chức theo nghi thức truyền thống (đám cưới diễn ra trong ba ngày: ngày thứ nhất họp họ (làm bánh dưng trong lễ cưới (gồm ba loại: bánh *ha bum* (bông lan), *tapaikagah*, *gi kling* (bánh ba lỗ) và món cơm cà-ri bò), ngày thứ hai “lên ghê” (giường), mỗi gia đình nhà trai, nhà gái, người đại diện sẽ đọc những lời cầu nguyện cho cô dâu, chú rể sống bình an, hạnh phúc, sau đó mời cơm dân làng), ngày thứ ba “đưa rể”, chú rể cùng đoàn nhà trai đến nhà gái...) [11].

Trong khi những nhóm di dân sống tập trung thành cộng đồng tộc người có không gian và cơ hội để bảo tồn yếu tố văn hóa truyền thống, những hộ gia đình di dân sống lẻ tẻ, xen lẫn vào người Kinh: người Dao, Lào, Mán, Paco, Raglai, Sán Chay khó có thể bảo lưu được những sinh hoạt văn hóa mang tính cộng đồng, thậm chí nơi gia đình cũng rất khó bảo lưu văn hóa truyền thống của tộc người. Ý thức bảo tồn văn hóa truyền thống của những cộng đồng người di dân – dân tộc thiểu số phần nào được trở thành hiện thực với chính sách bảo tồn văn hóa các tộc người thiểu số của chính quyền Bình Dương. Chính quyền tỉnh đã tạo điều kiện duy trì và phát huy bản sắc văn hóa, phong tục truyền thống như tổ chức lễ hội Lùng Tùng cho người Nùng ở Phú Giáo, Tết của người Sán Chi, lễ Ramadan của người Chăm... Lễ hội rước và ném còn của người Sán Chi, xã Tam Lập.

Ngày nay, tuy một số nét văn hóa truyền thống thay đổi, hoặc bị mai một do không còn phù hợp nhưng phần tinh hoa bao hàm trong đó sẽ không ngừng phát triển để thích ứng với yêu cầu của thời đại mới, được các thành viên của cộng đồng bảo lưu sẽ trở thành động lực tinh thần thúc đẩy cộng đồng phát triển. Văn hóa của các tộc người thiểu số làm phong phú bức tranh văn hóa Bình Dương nói riêng, lưu giữ tính đa dạng của văn hóa Việt Nam nói chung, duy trì sự đa dạng của văn hóa nhân loại. Mặt khác, văn hóa của các tộc người thiểu số còn góp phần làm giàu tài nguyên du lịch văn hóa, thu hút du khách đến với Bình Dương.

### **3.2. Về đời sống xã hội**

Quan hệ xã hội của những cộng đồng di dân người dân tộc thiểu số ở Bình Dương ngày nay bao gồm: quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng, quan hệ dòng họ, quan hệ liên dòng họ thông qua hôn nhân, quan hệ cộng đồng tộc người, quan hệ láng giềng, quan hệ đồng hương và quan hệ giữa cộng đồng với chính quyền địa phương. Đây là những định chế xã hội góp phần cố kết các thành viên trong cộng đồng.

Đối với những gia đình di dân sống tập trung thành cộng đồng, mỗi thành viên đều ý thức mình là một bộ phận của cộng đồng. Khi cộng đồng có việc gì, họ đều cố gắng tham gia để không bị trở thành người ngoài. Chẳng hạn, lễ cưới của người Khmer ở An Bình là dịp để mọi thành viên trong cộng đồng sum họp nhau. Bất kỳ gia đình nào trong cộng đồng gặp hữu sự như gia đình có người bệnh, người chết, người trong cộng đồng sẽ đến phụ việc trong lúc tang gia bối rối. Mỗi hộ gia đình ủng hộ đóng góp số tiền theo qui ước của cộng đồng (50-100 ngàn đồng mỗi hộ) để chia sẻ khó khăn kinh tế cho gia đình hữu sự. Hình thức góp tiền giúp cho gia đình có người thân qua đời trở nên rất phổ biến ở tất cả các cộng đồng di dân. Điều này phần nào giúp gia đình có tang đỡ lo lắng về mặt kinh tế, và thông qua hình thức này, tính cố kết của cộng đồng được thắt chặt, cùng chia sẻ trách nhiệm với nhau.

Ba mối quan hệ dòng họ, láng giềng và đồng tộc người thể hiện rõ qua các nhóm di dân cùng một tộc người có cùng thời gian di cư, địa điểm định cư đầu tiên, và đôi khi có cùng sinh kế. Nhóm người Chăm An Giang di cư năm 1975 có năm sinh khoảng những năm 1956, 1959, 1962 cư trú tại Tân Hưng (Bến Cát). Nhóm người Khmer An Giang di cư các năm 1975, 1976, 1978 sống tại Long Hòa (Dầu Tiếng). Nhóm Khmer quê ở Bình Phước di cư năm 1960 hiện cư ngụ tại An Bình (Phú Giáo). Nhóm Nùng Quảng Ninh di cư năm 1975 tại ấp Long Điền, xã Long Hòa (Dầu Tiếng)... Ba mối quan hệ này tạo nên sự cố kết cộng đồng chặt chẽ, cùng tương trợ nhau trong làm ăn kinh tế và cũng là môi trường để bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống. Ba mối quan hệ này nơi các cộng đồng di dân là định chế phi chính thức quy định và điều chỉnh các hành vi ứng xử trong cộng đồng. Mỗi nhóm sẽ có những chuẩn tắc để quản trị

đời sống xã hội của cộng đồng, vô hình trung góp phần duy trì trật tự xã hội, tạo khối đoàn kết cộng đồng để cùng hướng tới cuộc sống phồn vinh hơn. Điều này giải thích vì sao những nhóm di dân theo cộng đồng thường nhanh chóng vượt qua giai đoạn khó khăn ban đầu để ổn định cuộc sống nơi vùng đất mới hơn những hộ di dân lẻ tẻ.

Đời sống xã hội cộng đồng được tạo nên bởi quan hệ đồng tộc người, quan hệ dòng họ và quan hệ láng giềng đã có chức năng định hướng, điều chỉnh chuẩn mực đạo đức của thành viên trong cộng đồng, góp phần thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng đồng thời đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh Bình Dương. Vì thế, thật dễ hiểu, ngày càng có những hộ di dân người dân tộc thiểu số khi đã khá giả họ sẵn sàng giúp đỡ, cứu mang những người đồng hương, đồng tộc của mình mới di dân đến. Chẳng hạn hộ ông Âu Đại M (người Nùng, xã Tân Định, Bắc Tân Uyên) thường xuyên giúp đỡ những hộ người Nùng nghèo. Ông cũng thường xuyên quan tâm, đóng góp cho công tác từ thiện xã hội tại địa phương, tích cực tham gia đóng góp quỹ khuyến học, quỹ đền ơn đáp nghĩa... Để hài hòa mối quan hệ giữa chính quyền và người dân tộc thiểu số, chính quyền ngày càng quan tâm đến yếu tố văn hóa, yếu tố tộc người. Hiện nay, nhà nước nói chung và chính quyền tỉnh nói riêng đã chủ trương tại những địa phương có đông di dân người dân tộc thiểu số sinh sống cần duy trì định chế phi chính thức – “già làng” để làm cầu nối giữa người dân với chính quyền. Điển hình ông Hứa Tăng Ch, người Tày đã làm già làng của 67 hộ người dân tộc thiểu số với gần 300 nhân khẩu (không chỉ người Tày mà còn có người Khmer, Mường, Thái) ở xã Tân Hiệp từ 18 năm qua.

### CHÚ THÍCH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Thị Thanh Thảo (2013), *Di dân ở tỉnh Bình Dương và những ảnh hưởng của nó đến sự phát triển kinh tế - xã hội Bình Dương*, luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm TP.HCM, tr. 9.
- [2] Trừ 11.160 người Hoa, kết quả khảo sát của Bảo tàng Bình Dương 7684 người (1863 hộ) dân tộc thiểu số khá khớp với thống kê của Cục thống kê. Bảo tàng Bình Dương (2012), *Kết quả khảo sát 1863 hộ gia đình người dân tộc thiểu số*, File excel.
- [3] Phương Chi (2015), *Bình Dương thực hiện tốt công tác dân tộc*, <http://www1.binhduong.gov.vn>. Truy cập ngày 1-9-2016.
- [4] Đỗ Tuân (2014), *Người Nùng Bình Dương thay đổi từ vùng đất lạnh*, <http://baobinhduong.vn>. Truy cập ngày 1-9-2016.
- [5] *Cuộc sống mới của người Chăm tại Bình Dương*, Báo Bình Dương, <http://baobinhduong.vn>. Truy cập ngày 1-9-2016.
- [6] Lê Thị Thanh Thảo (2013), *Bài đã dẫn*, tr. 20-21.
- [7] Phương Chi (2015), *Bình Dương thực hiện tốt công tác dân tộc*, <http://www1.binhduong.gov.vn>. Truy cập ngày 1-9-2016.
- [8] Khoa Nhân học (2008), *Nhân học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, tr. 71.
- [9] Đỗ Thanh (2014), *Độc đáo nghi lễ vòng đời của người Khmer xã An Bình, huyện Phú Giáo*, <http://www.thuvienbinhduong.org.vn>. Truy cập ngày 31-8-2016.
- [10] Đỗ Thanh (2014), *Bài đã dẫn*.
- [11] *Đồng bào dân tộc Chăm tích cực lưu giữ bản sắc văn hóa dân tộc*, Báo Bình Dương, <http://baobinhduong.vn>. Truy cập ngày 1-9-2016.
- [12] Đinh Thị Hòa (2015), *Thực trạng tiếp cận dịch vụ công của các hộ gia đình Chăm huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương*, Đề tài cấp cơ sở, Trường Đại học Thủ Dầu Một.



- [13] *Đồng bào dân tộc Chăm tích cực lưu giữ bản sắc văn hóa dân tộc*, Báo Bình Dương, <http://baobinhduong.vn>. Truy cập ngày 1-9-2016.
- [14] Khoa Nhân học (2008), *Nhân học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
- [15] Lê Anh Vũ (2016), “Hành trình mưu sinh trên đất khách, sinh kế và bản sắc” trong Nguyễn Đức Lộc (chủ biên) “*Đời sống xã hội Việt Nam đương đại: chọn lựa, trở thành, khác biệt*”, NXB Tri thức.
- [16] Lê Anh Vũ (2016), “Hội nhập xã hội của nữ di cư người Khmer ở Bình Dương” trong Kỷ yếu hội thảo *Báo cáo kết quả nghiên cứu giới và xã hội*, Trường Đại học Hoa Sen, tr.23-35.
- [17] Lê Anh Vũ (2016), “Nguyên nhân di cư đến Bình Dương của gia đình người Khmer Trà Vinh” trong hội thảo khoa học *Hai mươi năm đô thị Bình Dương – lý luận và thực tiễn*, Đại học Thủ Dầu Một.
- [18] Nguyễn Kim Nhật Thu (2009), *Sự biến động dân cư trong quá trình đô thị hóa tỉnh Bình Dương từ năm 1997 đến 2009*, Luận văn thạc sĩ.
- [19] Nguyễn Thị Thu Hoài (2014), “Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc thiểu số trong phát triển bền vững”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 360.
- [20] Phan Xuân Biên (1999), “Cư dân Bình Dương qua các thời kỳ lịch sử” trong *Thủ Dầu Một – Bình Dương đất lành chim đậu*, NXB Văn nghệ.
- [21] Trịnh Hoài Đức (2008) (Bản dịch của Lý Việt Dũng), *Gia đình thành thông chí*, NXB Tổng hợp Đồng Nai.
- [22] Ủy ban Dân tộc (2009), *Một số thông tin cơ bản [tỉnh Bình Dương]*, <http://web.cema.gov.vn>